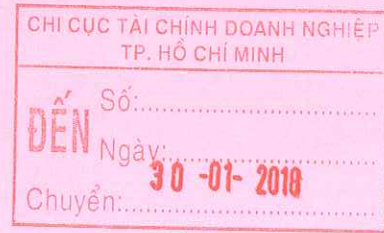
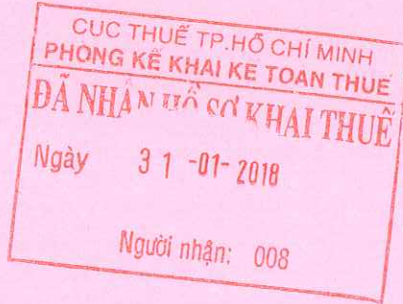




ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV DVCI TÂN BÌNH
MST : 030 141 68 76



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2017

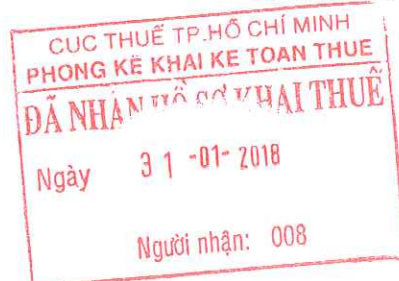
(Được ban hành theo Thông tư 200/2015/TT-BTC)

LƯU : PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ CÔNG TY

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

MỤC LỤC BÁO CÁO

- 1) Biểu 02.A : Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư các dự án hình thành TSCĐ và XDCB năm 2017
- 2) Biểu 02.B : Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư tài chính năm 2017
- 3) Biểu 02.C : Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2017
- 4) Biểu 02.D : Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2017
- 5) Biểu 02.Đ : Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước năm 2017
- 6) Biểu 04.A : Báo cáo tình hình đầu tư vốn ra nước ngoài và thu hồi vốn đầu tư về Việt Nam năm 2017
- 7) Biểu 04.B : Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án đầu tư ra nước ngoài năm 2017
- 8) Báo cáo phân tích đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2017



**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
 NĂM 2017**

STT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư			Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động		Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31/12/2017 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 31/12/2017 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Triệu đồng)			
			Tổng vốn	Vốn tự có	%		Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2017		Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2017
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
1																		
2																		
B	Các dự án nhóm B																	
1																		
2																		
C	Các dự án khác																	

Không phát sinh

Ghi chú : Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Người lập biểu

(Signature)

Hồ Thị Mai Chi



Nguyễn Văn Hoài

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP
NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)
 Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư				Vốn chủ sở hữu công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia cho kỳ báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết				
		Giá trị vốn góp		Tỷ lệ vốn góp			Kỳ trước	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Kỳ báo cáo								
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2017	Kế hoạch										Năm trước	Tại thời điểm 31/12/2017		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) = (15) / (5)	(17)	(18)	
I	Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	CTY TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Tân Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Đầu tư vào Công ty liên kết																	
III	Đầu tư tài chính																	

Người lập biểu

(Signature)

Hồ Thị Mai Chi



Nguyễn Văn Hoài

UBND Quận Tân Bình
 Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Thực hiện năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m ²)	630.412.848	455.491.491	429.199.135	429.199.135	68,08	94,23	100,00
- Vận chuyển rác (Tấn)	143.320	143.577	144.000	145.034	101,20	101,01	100,72
- Xây dựng cơ bản (đồng)	64.703.170.965	55.983.336.653	49.742.019.962	57.460.792.403	88,81	102,64	115,52
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m ²)	630.412.848	455.491.491	429.199.135	429.199.135	68,08	94,23	100,00
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	143.320	143.577	144.000	145.034	101,20	101,01	100,72
- Xây dựng cơ bản (đồng)	78.735.323.976	55.630.365.460	49.509.815.166	57.069.252.949	72,48	102,59	115,27
3. Tồn kho cuối kỳ							
- Vệ sinh quét dọn (Lượt/m ²)	0	-	-	-	-	-	-
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	0	-	-	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản (đồng)	239.233.603	592.204.796	360.000.000	200.665.342	83,88	33,88	55,74
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.464.917.363	171.631.350.111	157.330.000.000	174.712.800.408	83,81	101,80	111,05
2. Giá vốn hàng bán	185.730.154.955	149.627.264.126	138.068.000.000	153.931.595.341	82,88	102,88	111,49
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.734.762.408	22.004.085.985	19.262.000.000	20.781.205.067	91,41	94,44	107,89
4. Doanh thu hoạt động tài chính	4.126.213.130	3.852.559.306	2.800.000.000	2.968.078.395	71,93	77,04	106,00
5. Chi phí tài chính	200.000	200.000	-	34.401.299	-	17.200,65	-
6. Chi phí bán hàng	0	-	-	-	-	-	-

Đơn vị tính : đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2015		Cùng kỳ năm 2016		Thực hiện năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]	Cùng kỳ năm 2016	
								Kế hoạch năm	Thực hiện
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.075.330.479	11.293.925.498	11.130.000.000	9.998.730.843	82,80	88,53	89,84		
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.785.445.059	14.562.519.793	10.932.000.000	13.716.151.320	92,77	94,19	125,47		
9. Thu nhập khác	3.880.984.147	260.524.967	100.000.000	186.164.034	4,80	-	186,16		
10. Chi phí khác	7.191.595	52.482.950	28.000.000	41.076.202	571,17	-	146,70		
11. Lợi nhuận khác	3.873.792.552	208.042.017	72.000.000	145.087.832	3,75	-	201,51		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.659.237.611	14.770.561.810	11.004.000.000	13.861.239.152	74,29	93,84	125,97		
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.057.707.149	2.934.290.678	2.200.800.000	2.775.429.672	68,40	94,59	126,11		
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	-	-	-	-	-	-		
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	14.601.530.462	11.836.271.132	8.803.200.000	11.085.809.480	75,92	93,66	125,93		

Ghi chú :

- Sản lượng thực hiện năm 2016 và sản lượng kế hoạch năm 2017 được tính lại do thay đổi diện tích quét lòng đường từ 6 mét (Quyết định số 2272/BXD-VP ngày 10/11/2008) xuống 4 mét (Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014)
- Số tuyến đường quét dọn năm 2017 bằng với năm 2016, nhưng do năm 2016 tỷ lệ tiết kiệm quét lê đường, vỉa hè là 30%, trong khi năm 2017 tỷ lệ tiết kiệm là 50% nên sản lượng năm 2017 thấp hơn sản lượng năm 2016

Người lập biểu

Hồ Thị Mai Chi



Nguyễn Văn Hoài

UBND Quận Tân Bình
Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
NĂM 2017**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
- Quét dọn vệ sinh (Lượt.m2)	429.199.135	429.199.135	100,00%	94,23%
- Vận chuyển rác (Tấn)	144.000	145.034	100,72%	101,01%
- Công viên cây xanh (m2)	106.888	106.888	100,00%	101,11%
- Công trình xây dựng cơ bản (triệu đồng)	49.742	55.983	112,55%	100,00%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?				
- Quét dọn vệ sinh (Lượt.m2)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Vận chuyển rác (Tấn.km)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Công viên cây xanh (m2)	Không có	Không có	Không có	Không có
- Công trình xây dựng cơ bản (triệu đồng)	Không có	Không có	Không có	Không có
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?				
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong kỳ (triệu đồng)	119.842	160.970	134,32%	101,85%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong kỳ (triệu đồng)	126.496	171.655	135,70%	101,79%

Ghi chú : Sản lượng thực hiện năm 2016 và sản lượng kế hoạch năm 2017 được tính lại do thay đổi diện tích quét lông đường từ 6 mét (Quyết định số 2272/BXD-VP ngày 10/11/2008) xuống 4 mét (Quyết định số 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014)

Người lập biểu



Hồ Thị Mai Chi



Nguyễn Văn Hoài

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**


(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ báo cáo: Năm 2017

Đơn vị: nghìn USD

TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Tổng tài sản	Tổng nguồn vốn							Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh				Lợi nhuận và sử dụng lợi nhuận được chia				Thực hiện nghĩa vụ với NSNN trong kỳ báo cáo						
			Tổng nợ phải trả	Nợ phải trả		Vốn chủ sở hữu			Doanh thu	Tỷ suất lợi nhuận	Lợi nhuận được chia của		Tinh hình sử dụng lợi nhuận được chia		Sử dụng khác									
				Tổng giá trị các khoản vay	Lãi suất TB các khoản vay	Lãi vay phải trả trong kỳ báo cáo	Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của CSH lũy kế			Lợi nhuận sau thuế	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Kỳ báo cáo		Kỳ trước	Tái đầu tư		Chuyển về nước					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	
I	Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận Tân Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI

Tân Bình, ngày 29 tháng 01 năm 2018



NGUYỄN VĂN HOÀI

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN TÂN BÌNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NƯỚC NGOÀI VÀ THU HỒI VỐN ĐẦU TƯ VỀ VIỆT NAM

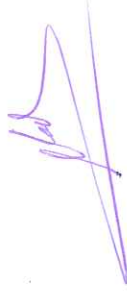
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ báo cáo: Năm 2017

Đơn vị: nghìn USD

TT	Tên doanh nghiệp/dự án	Lĩnh vực đầu tư	Nước tiếp nhận đầu tư	Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài		Tỷ lệ số hữu của NĐT Việt Nam	Vốn ĐTRNN đăng ký				Vốn ĐTRNN thực hiện				Tình hình thu hồi vốn đầu tư					Độ trễ của Dự án						
				Tổng vốn đầu tư	Vốn điều lệ		Vốn vay	Tổng vốn đăng ký	Vốn góp	Cho vay	Bảo lãnh vay	Lũy kế đến kỳ trước cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Bảo lãnh vay	Cho vay	Vốn góp	Tổng số	Phát sinh trong kỳ báo cáo			Lũy kế đến kỳ báo cáo					
																		Thu hồi vốn đầu tư	Lãi cho vay chuyển về nước			Thu thanh lý, nhượng bán vốn ĐTRNN				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	
1	Công ty TNHH MTV dịch vụ công ích quận Tân Bình	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	X	X	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người lập biểu



HỒ THỊ MAI CHI



NGUYỄN VĂN HOÀI

UBND Quận Tân Bình
 Công ty TNHH MTV DVCI quận Tân Bình

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT : Đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	5.793.822.237	19.562.515.401	17.641.838.508	7.714.499.130
- thuế GTGT	5.330.856.930	11.944.349.468	11.167.065.840	6.108.140.558
- Thuế TNDN	745.135.054	2.775.429.672	2.065.935.000	1.454.629.726
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế TNCN	(282.169.747)	652.898.593	219.000.000	151.728.846
- Thuế đất	-	4.185.837.668	4.185.837.668	-
- Các khoản thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
2. Các khoản phải nộp khác	934.704.519	9.941.323.433	7.224.000.734	3.652.027.218
- Phải nộp liên quan đến quản lý nhà	-	237.505.146	215.703.059	21.802.087
- Phí, lệ phí	934.704.519	7.928.100.312	6.789.614.043	2.073.190.788
- Các khoản phải nộp khác	-	1.775.717.975	218.683.632	1.557.034.343
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tríc lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	260.714.344	-	-	260.714.344
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.815.200.107	10.916.330.480	10.054.849.504	6.676.681.083
3. Quỹ khen thưởng VCQLDN	185.325.000	206.875.000	191.712.500	200.487.500
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				-
5. Quỹ đặc thù khác nếu có				-

Thuyết minh : Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng VCQLDN tăng trong kỳ là do trích lập và giảm là do chi hoạt động trong kỳ.

Người lập biểu

Hồ Thị Mai Chi



Giám đốc

Nguyễn Văn Hoài

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ HIỆU QUẢ
HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017**
(Số liệu chi tiết thể hiện trên 7 biểu mẫu quy định tại Thông tư 200/2015/TT-BTC)

1) Tình hình bảo toàn và phát triển vốn :

Vốn nhà nước tại doanh nghiệp được bảo toàn so với đầu năm, hệ số bảo toàn của vốn chủ sở hữu $(70.370 / 70.370) = 1$, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 15,75% $(11.086 / 70.370)$, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 4,02% $(11.086 / 275.718)$.

2) Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp :

* Tình hình đầu tư tài sản và huy động vốn :

- Công ty không sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án cũng như không huy động vốn từ các nguồn khác để đầu tư dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh.

* Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp :

- Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty không có vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

* Tình hình quản lý tài sản và công nợ phải thu, phải trả :

- Công ty mua sắm tài sản hoặc thanh lý tài sản có giá trị lớn đều thực hiện tổ chức đấu thầu, đấu giá theo quy định, việc khấu hao tài sản cố định cũng được thực hiện nghiêm túc theo quy định hiện hành.

- Công ty không có nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn.

3) Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp :

- Sản lượng tiêu thụ sản phẩm chủ yếu trong năm của đơn vị có tăng so với cùng kỳ năm trước và so với kế hoạch. Chất lượng sản phẩm dịch vụ đảm bảo chỉ tiêu theo quy định.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với năm trước và so với kế hoạch.

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đủ đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của chủ sở hữu, chấp hành khá tốt các chế độ, chính sách của nhà nước, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, trả lương trả thưởng cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và theo quy định.

Trong năm 2017 công ty chưa bị lập biên bản vi phạm hành chính nào liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách của nhà nước.

4) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật

Trong năm 2017, doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định, chỉ đạo của chủ sở hữu, chấp hành khá tốt các chế độ, chính sách theo quy định nên chưa bị lập biên bản vi phạm hành chính nào liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách của nhà nước.

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Số:.....
ĐẾN Ngày: 31/01/2018
Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....

209